TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 -2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký

2. Ông Tống Văn Tuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 137/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Dương Phương L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Phương L trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Hoàng Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/6/2013. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên chửi mắng, xúc phạm lẫn nhau.Từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay chị L và anh C sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về con chung*:* Chị Dương Phương L khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Hoàng Minh H, sinh ngày 10/6/2013. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Dương Phương L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ triệu tập anh Hoàng Văn C đến Tòa án để viết bản khai nhưng anh C không có mặt, nên không có lời khai của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Phương L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh C là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Dương Phương L và anh Hoàng Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên mắng chửi nhau. Từ tháng 5/2016 chị L, anh C sống ly thân cho đến nay. Một thời gian dài vợ chồng không chung sống và quan tâm đến nhau chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, giải quyết cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị Dương Phương L khai chị và anh Hoàng Văn C có một con chung, cháu tên là Hoàng Minh H, sinh ngày 10/6/2013. Chị L cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu H, trong đó xác định cha của cháu H là anh Hoàng Văn C. Mặt khác, cháu H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu H là con chung của chị L và anh C. Cháu H còn nhỏ, lại cùng giới tính với mẹ, hiện tại cũng đang do chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Mức cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4]. Về tài sản: Chị Dương Phương L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Dương Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng đình kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Phương L và anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Công nhận chị Dương Phương L và anh Hoàng Văn C có một con chung, cháu tên là Hoàng Minh H, sinh ngày 10/6/2013. Giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Dương Phương L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000130 ngày 22/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

(đã ký)

Lê Văn Hồng